TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HSST
Ngày: 22 - 02 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Đức Dũng và bà Đinh Thị Thu Hằng.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Dung Thạch và bà Bùi Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/HSST- QĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1962; tại tỉnh B.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần X (chết) và bà Trần Thị N (chết); chồng: Phạm Q; con: Có 04 (bốn) người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2023 đến ngày 14/11/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn *"Tạm giam"* bằng biện pháp *"Bảo lĩnh"* cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Phạm Q, sinh năm 1957; trú tại: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Đinh Thị Đ, sinh năm 1987; trú tại: Xóm T, thôn K, xã S, huyện S, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Đinh Thị M, sinh năm 1985; trú tại: Thôn G, xã L, huyện M, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1954; trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Phạm P, sinh năm 1977; trú tại: Phường B, thị xã A, tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Huỳnh T, sinh năm 1976; trú tại: Phường B, thị xã A, tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 18/7/2023, tại quán Karaoke Nhật T, có địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Q. Công an huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi phát hiện, bắt quả tang các đối tượng gồm: Đinh Thị Đ, Đinh Thị M (người bán dâm) với Huỳnh T, Phạm P (người mua dâm) đang thực hiện hành vi mua, bán dâm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tiến hành điều tra vụ án theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, xác định: Quán Karaoke có tên Nhật T (gọi tắt là quán Nhật T) do vợ chồng ông Phạm Q, bà Trần Thị T là người chủ sở hữu (quán không có đăng ký kinh doanh), ông Q giao cho bà T là người trực tiếp quản lý. Trong quá trình quản lý, bà T nảy sinh ý định sử dụng các phòng trong quán làm địa điểm chứa mại dâm nhằm mục đích thu lợi bất chính. Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 18/7/2023, Đinh Thị M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 76V1-2137 chở Đinh Thị Đ đến quán Nhật T gặp bà T và xin bà T bán dâm kiếm tiền. Sau khi nghe Đ, M đề cập đến việc bán dâm thì bà T đồng ý; bà T, M, Đ bàn bạc, thống nhất địa điểm bán dâm, số tiền mỗi lượt bán dâm, tiền thu lợi mỗi người được hưởng sau khi bán dâm; cụ thể như sau:

Khi có khách đến mua dâm, Đ, M là người trực tiếp bán dâm; bà T là người trực tiếp thỏa thuận giá, trực tiếp thu tiền của người mua dâm, sắp xếp, bố trí, chỉ địa điểm bán dâm; số tiền bán dâm mỗi lần là 200.000 đồng/01 lượt, người bán dâm (Đ, M) được nhận số tiền 150.000 đồng, bà T nhận 50.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, thống nhất M, Đ ở lại tại quán để chờ khách; đến khoảng 19 giờ cùng ngày có 02 (hai) người đàn ông tên Phạm P và Huỳnh T vào quán, P gọi bà T bán cho 04 lon bia và hỏi *"có em út gì không chơi chút"* bà T trả lời *"có"* và tay chỉ về Đ, lúc này M cũng đang ngồi gần đó. Tiếp đến, T hỏi *"một em bao nhiêu tiền"*, bà T trả lời *"một đứa 200.000 đồng"*, T đồng ý. Liền sau đó, bà T gọi Đinh Thị M đến ngồi bên cạnh T, T gọi thêm 02 lon bò húc và lấy số tiền 300.000 đồng trả cho bà T, bà T tính tiền mua dâm là 200.000 đồng, tiền nước bò húc 50.000 đồng, tổng cộng là 250.000 đồng và thanh toán lại tiền chênh lệch cho T 50.000 đồng; số tiền 200.000 đồng mua dâm của T, bà T đưa cho M 150.000 đồng và nhận 50.000 đồng. Khi nhận tiền xong, bà T dẫn M và T đi ra phía sau khu vực nhà bếp rồi chỉ T, M vào trong phòng để thực hiện hành vi mua, bán dâm.

Sau khi sắp xếp cho cặp M – T xong, bà T quay lại quầy nước thì thấy Đinh Thị Đ đang ngồi với Phạm P nói chuyện. Thấy bà T, P hỏi *"người này (Đ) vẫn 200.000 đồng phải không"*, T trả lời *"đúng"*, P đồng ý mua dâm và đưa cho T số tiền 500.000 đồng, T đưa lại cho Đ số tiền 150.000 đồng và lấy số tiền 50.000 đồng như đã thỏa

thuận với Đ lúc ban đầu; đồng thời lấy tiền 04 lon bia 60.000 đồng, số tiền chênh lệch còn lại là 240.000 đồng T thối lại cho P. Sau khi thỏa thuận và giao, nhận tiền xong, T chỉ P, Đ vào phòng có ghi chữ trên cửa là *"Nhật T"* để thực hiện hành vi mua, bán dâm. Đến khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, Công an huyện Tư Nghĩa phối hợp với Công an xã Nghĩa T phát hiện, bắt quả tang; đồng thời thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu giữ từ gái bán dâm Đinh Thị Đ: 01 vỏ bao cao su màu đỏ đã bị xé rách, trên vỏ bao có dòng chữ FREMEN; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 02 bao cao su màu đỏ có dòng chữ FREMEN chưa qua sử dụng và số tiền 350.000 đồng.

- Thu giữ từ gái bán dâm Đinh Thị M: 02 vỏ bao cao su màu đỏ, đã bị xé rách một góc bao, trên bao có dòng chữ SURE; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 04 bao cao su màu đỏ, trên bao có dòng chữ SURE chưa qua sử dụng; 01 xe mô tô, có biển số kiểm soát 76V1-2137, nhãn hiệu DEAHAN, màu sơn: nâu, số khung: 0714736, số máy 0714736, đã qua sử dụng và số tiền 170.000 đồng.

- Thu giữ của Trần Thị T: Số tiền 100.000 đồng.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS-TN ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Trần Thị T về tội *"Chứa mại dâm"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, bị cáo Trần Thị T có đơn xin miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, với lý do hiện nay bị cáo đã trên 60 tuổi.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội *"Chứa mại dâm"*. Xử phạt bị cáo Trần Thị T mức án từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng; trả lại cho chị Đinh Thị Đ số tiền 200.000 đồng và trả lại cho chị Đinh Thị M số tiền 20.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su màu đỏ đã bị xé rách, trên vỏ bao có dòng chữ FREMEN; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 02 bao cao su màu đỏ có dòng chữ FREMEN chưa qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su màu đỏ, đã bị xé rách một góc bao, trên bao có dòng chữ SURE; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 04 bao cao su màu đỏ, trên bao có dòng chữ SURE chưa qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm chấp hành xong án phạt, có điều kiện

chăm sóc cho gia đình, vì hiện nay chồng của bị cáo ông Phạm Q không có công việc ổn định, thường xuyên đau ốm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Q không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Chị Đinh Thị Đ, chị Đinh Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Phạm P và ông Huỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; mặt khác những người nêu trên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng và gây trở ngại đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ, chị M, ông T, ông P và bà L theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại phần tóm tắt nội dung vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Tư Nghĩa lập ngày 18/7/2023 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Bị cáo Trần Thị T là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ hành vi chứa mại dâm là trái pháp luật, nhưng vì mục đích ham lợi bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện; cụ thể: Vào khoảng thời gian 19 giờ 00 phút ngày 18/7/2023, bị cáo đã sử dụng địa điểm là các phòng trong quán karaoke Nhật T do bị cáo là người trực tiếp quản lý để chứa mại dâm, với phương thức thực hiện như sau: Trực tiếp thỏa thuận giá với những người mua dâm (Phạm P, Huỳnh T) và gái bán dâm (Đinh Thị M, Đinh Thị Đ), trực tiếp thu tiền và sắp xếp phòng để người mua dâm và gái bán dâm thực hiện việc mua bán, dâm; tiền bán dâm của 02 cặp mua, bán dâm trong ngày bắt quả tang (18/7/2023) là 400.000 đồng, bị cáo được hưởng lợi số tiền là 100.000 đồng (50.000đồng/01 lượt). Hành vi của bị cáo như đã nêu trên thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội *"Chứa mại dâm"* theo quy định tại Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết định khung: Mặt dù, hành vi chứa mại dâm của bị cáo T diễn ra ở cùng một địa điểm (quán karaoke Nhật T), trong cùng khoảng thời gian (từ 19 giờ đến 19 giờ 30 phút ngày 18/7/2023). Tuy nhiên, thời điểm bắt quả tang tại quán Nhật T có 02 (hai) đôi mua, bán dâm độc lập với nhau tại 02 (hai) phòng riêng lẻ. Do đó, hành vi

của bị cáo thuộc trường hợp *"phạm tội 02 lần trở lên"* là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng số 40/CT-VKS- TN ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố đối với bị cáo Trần Thị T là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến đạo đức, nếp sống văn minh, thuần phong, mỹ tục trong đời sống văn hóa xã hội; gây dư luận và ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm nhằm để giáo dục bị cáo và nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, nhất là các tội phạm liên quan đến mại dâm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét, đánh giá toàn diện về tính chất, động cơ, mục đích và hậu quả cho xã hội đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện trên cơ sở xem xét, cân nhắc về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội.

[4.2]. Tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử đã áp dụng tình tiết *"phạm tội 02 lần trở lên"* là tình tiết định khung hình phạt. Do đó, không áp dụng *"phạm tội 02 lần trở lên"* là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3]. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm và phải xử phạt tù để cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; không có tình tiết tăng nặng. Do đó, cần xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ điều kiện để ren đe, giáo dục bị cáo; đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo bị kết án phải chấp hành hình phạt tù, bị cáo đã ở ngoài độ tuổi lao động, trước khi phạm tội bị cáo không có công việc ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng của bị cáo ông Phạm Q không có công việc ổn định, thường xuyên đau ốm. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt tiền để phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6]. Đối các đối tượng liên quan trong vụ án:

[6.1] Đối với hành vi bán dâm của Đinh Thị M và Đinh Thị Đ đã vi phạm vào khoản 1, Điều 25 Nghị định số144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội…. Do đó, trong gia đoạn điều tra Công an huyện Tư Nghĩa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ và M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.2]. Đối với hành vi mua dâm của Phạm P và Huỳnh T: Tại thời điểm mua dâm, gái bán dâm Đinh Thị Đ và Đinh Thị M đã trên 16 tuổi; do đó hành vi của P và T không cấu thành tội *"Mua dâm người dưới 16 tuổi"*. Tuy nhiên, hành vi mua dâm của P và T đã vi phạm vào khoản 1 Điều 24 Nghị định số144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội…. Trong gia đoạn điều tra, Công an huyện Tư Nghĩa đã tiến hành xác minh địa chỉ, nơi cư trú của T và P, nhưng địa chỉ mà T, P cung cấp tại biên bản bắt quả tang và bản tự khai cùng ngày 18/7/2023 là không chính xác. Vì vậy, Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý hành chính hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính đối với hành vi của T và P. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ địa chỉ và đề nghị xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.3]. Đối với ông Phạm Q: Ông Q là chồng và đồng sở hữu quán karaoke Nhật T cùng với bị cáo T. Tuy nhiên, ông Q đã giao quán cho bị cáo T trực tiếp quản lý, ông Q không thỏa thuận, bàn bạc, không biết bị cáo T sử dụng quán làm địa điểm để chứa mại dâm, không hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính, nên không xử lý trách nhiệm hình sự ông Phạm Q về tội *"chứa mại dâm"* với vai trò đồng phạm cùng với T trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1]. Đối với tổng số tiền 620.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ được tại thời điểm bắt quả tang, trong đó gồm:

- Số tiền 100.000 đồng của bị cáo Trần Thị T là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi chứa mại dâm. Do đó, cần phải tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 350.000 đồng của Đinh Thị Đ, trong đó có: 150.000 đồng là tiền bán dâm phải tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước và số tiền còn lại là 200.000 đồng là tiền cá nhân của chị Đ mang theo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên phải trả lại cho chị Đ.

- Số tiền 170.000 đồng của Đinh Thị M, trong đó có 150.000 đồng là tiền bán dâm phải tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước và số tiền còn lại là 20.000 đồng là tiền cá nhân của chị M mang theo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên phải trả lại cho chị M.

[7.2]. Đối với các vật chứng gồm: 01 vỏ bao cao su màu đỏ đã bị xé rách, trên vỏ bao có dòng chữ FREMEN; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 02 bao cao su màu đỏ có dòng chữ FREMEN chưa qua sử dụng thu giữ từ gái bán dâm chị Đinh Thị Đ và 02 vỏ bao cao su màu đỏ, đã bị xé rách một góc bao, trên bao có dòng chữ SURE; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 04 bao cao su, màu đỏ, trên bao có dòng chữ SURE chưa qua sử dụng thu giữ từ gái bán dâm Đinh Thị M là công cụ, phương tiện phục vụ cho việc bán dâm. Do đó, cần phải tịch thu tiêu hủy.

[7.3]. Đối với 01 xe mô tô, biển kiểm soát số 76V1-2137, nhãn hiệu DEAHAN, màu sơn: nâu, số khung: 0714736, số máy 0714736 là phương tiện mà Đinh Thị M dùng để đi lại và chở Đinh Thị Đ đến quán Nhật T. Qua điều tra xác định chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Hồng L (sinh năm 1954; trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Q). Bà L thừa nhận đã bán xe nêu trên cho M, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký, sang tên; đồng thời bà L không có yêu cầu gì. Xe mô tô nêu trên không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị M là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bị cáo là người trên 60 tuổi và có Đơn xin miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, về xử lý vật chứng, án phí và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội *"Chứa mại dâm"*.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án (22/02/2024) được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 7 năm 2023 đến ngày 14 tháng 11 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tổng số tiền 220.000 đồng, trong đó: Trả lại cho chị Đinh Thị Đ số tiền 200.000 đồng và trả lại cho chị Đinh Thị M số tiền 20.000 đồng.

Tổng số tiền 620.000 (sáu trăm hai mươi nghìn) đồng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo Ủy nhiệm chi do Kho bạc Nhà nước huyện Tư Nghĩa lập ngày 30/11/2023 và biên lai thu tiền số 0001405 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su màu đỏ đã bị xé rách, trên vỏ bao có dòng chữ FREMEN; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 02 bao cao su màu đỏ có dòng chữ

FREMEN chưa qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su màu đỏ, đã bị xé rách một góc bao, trên bao có dòng chữ SURE; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 04 bao cao su, màu đỏ, trên bao có dòng chữ SURE chưa qua sử dụng. Vật chứng hiện nay đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản lập ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thị T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/02/2024),

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn